

Số: /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động
quản lý Nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của
Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu
chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức
thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

Theo Đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại huyện Châu Thành phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động (có phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định trước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động quản lý Nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện và Thủ trưởng các thành viên Ban Điều hành ISO Huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT/UBND Huyện;
- LĐVP, NC-NC;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Xiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân
huyện Châu Thành phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015
đối với các lĩnh vực hoạt động**

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Châu Thành, ngày tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Xiếu

PHỤ LỤC

**Các lĩnh vực hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
được công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	TÊN LĨNH VỰC	Theo quy định
I	PHÒNG NỘI VỤ (44 TTHC)	
A	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC (7 TTHC)	
1.	Thủ tục Thủ tục thi tuyển công chức	
2.	Thủ tục xét tuyển công chức	
3.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	
4.	Thủ tục hành chính xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện	
5.	Thủ tục hành chính thi tuyển viên chức	
6.	Thủ tục xét tuyển viên chức	
7.	Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức	
	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (8 TTHC)	
8.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	
9.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	
10.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	
11.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến;	
12.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề;	
13.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất.	
14.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại.	
15.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình.	
	LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY (03 TTHC)	
16.	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
17.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.	
18.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN CÓ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG TRONG TỈNH	
19.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	
20.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	

21.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ.
22.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (SĐ, BS) quỹ.
23.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.
24.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động.
25.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ.
26.	Đổi tên quỹ.
27.	Quỹ tự giải thể.
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI
28.	Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, trong xã
29.	Thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã
30.	Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong xã
31.	Thủ tục hành chính chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội cấp xã
32.	Thủ tục hành chính đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong xã
33.	Thủ tục hành chính giải thể hội có phạm vi hoạt động trong xã
34.	Thủ tục hành chính báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường hội cấp xã
35.	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe
36.	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức
	LĨNH VỰC TÔN GIÁO
37.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
38.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
39.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
40.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
41.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
42.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
43.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
44.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

II	PHÒNG TƯ PHÁP (33 TTHC)	
	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (2 TTHC)	
45.	Thủ tục phục hồi danh dự	
46.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	
	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (14 TTHC)	
47.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
48.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
49.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
50.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
51.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
52.	Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
53.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
54.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
55.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
56.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
57.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
58.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
59.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
60.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	LĨNH VỰC GIÁM HỘ (2 TTHC)	
61.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
62.	Đăng ký chấm dứt giám hộ trong nước có yếu tố nước ngoài	
	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (12 TTHC)	
63.	Cấp bản sao từ sổ gốc	
64.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
65.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	

66.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
67.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
68.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
69.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
70.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
71.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
72.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
73.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
74.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (2 TTHC)	
75.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật Huyện	
76.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Huyện	
	LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ (1 TTHC)	
77.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	
III	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN (23 TTHC)	
	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
78.	Thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke	
79.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	
80.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	
81.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	
82.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	
83.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	
84.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
85.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
86.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	

87.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
88.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
89.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
90.	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
91.	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
92.	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
93.	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
94.	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
	LĨNH VỰC THÔNG TIN	
95.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
96.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
97.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
98.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
99.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	
100.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	
	IV PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (20 TTHC)	
101.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
102.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
103.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
104.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	
105.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
106.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
107.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
108.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
109.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
110.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
111.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung	

	học cơ sở tư thực	
112.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
113.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	
114.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
115.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
116.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
117.	Thủ tục giải quyết chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở ngoài tỉnh	
118.	Giải thể trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ	
119.	Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (đối với bằng tốt nghiệp THCS từ năm 2006 trở về sau)	
120.	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	
V	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH (50 TTCH)	
	TÀI CHÍNH (16 TTCH) - LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ-CÔNG SẢN	
121.	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu Nhà nước	
122.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	
123.	Mua quyền hóa đơn	
124.	Mua hóa đơn lẻ	
125.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
126.	Quyết định thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
127.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	
128.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	
129.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật quản lý, sử dụng tài sản công	
130.	Quyết định điều chuyển tài sản công	
131.	Quyết định bán tài sản công	
132.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	
133.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản.	
134.	Quyết định thanh lý tài sản công	
135.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	
136.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản cho các cơ quan, tổ chức,	

	đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố	
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ (01 TTHC)	
137.	Quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước	
	KẾ HOẠCH (33 TTHC)	
	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH (5 TTHC)	
138.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
139.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
140.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
141.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
142.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ (16 TTHC)	
143.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	
144.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
145.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
146.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
147.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	
148.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
149.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
150.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
151.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
152.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	
153.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
154.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
155.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
156.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
157.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	
158.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	
	THẨM ĐỊNH DỰ ÁN (6 TTHC)	
159.	Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà	

	nước ngoài ngân sách	
160.	Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
161.	Thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	
162.	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	
163.	Thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi không có cấu phần xây dựng	
164.	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi không có cấu phần xây dựng.	
	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU (6 TTHC)	
165.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
166.	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
167.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
168.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	
169.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	
170.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng.	
VI	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (12 TTHC)	
	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC	
171.	Hỗ trợ Dự án liên kết	
172.	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	
173.	Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	
174.	Cấp mới giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
175.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
176.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
	LĨNH VỰC KIỂM LÂM-LÂM NGHIỆP	
177.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư)	
178.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư)	
179.	Xác nhận bảng kê lâm sản (đối với địa phương có Hạt Kiểm lâm gồm: huyện Tam	

	Nông và huyện Tháp Mười)	
	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
180.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
181.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
182.	Công bố mở cảng cá loại 3	
VII	LĨNH VỰC Y TẾ	
183.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	
VIII	LĨNH VỰC THANH TRA (10 TTHC)	
	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN	
184.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	
185.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	
	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO	
186.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	
187.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	
188.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	
	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (03 CẤP)	
189.	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	
190.	Thủ tục công khai bản kê khai bản kê khai tài sản, thu nhập	
191.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	
192.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
193.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	